TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 8 - 2019.
Về việc tranh chấp: Không công nhận vợ chồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Điều;
2. Ông Nguyễn Văn Thư.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Nhuận – Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 157/2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp *"Không công nhận vợ chồng",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXX- ST ngày 07 tháng 8 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông V – sinh năm: 1968; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Tạm trú: Khu phố A, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên – *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Bà L – sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Tạm trú: Khu phố A, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên – *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông V và bị đơn bà L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có mâu thuẫn, do không hợp tính, thường xuyên cãi vã. Ông V yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà L là vợ chồng, bà L thống nhất yêu cầu của ông V.

- Về con chung: Có 02 con tên B – sinh ngày 28/6/1992, Y – sinh ngày 28/10/1994. Các con đã trưởng thành nên thống nhất không yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Hai bên thống nhất tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

+ Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Không công nhận bà L, ông V là vợ chồng. Các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu gì nên không xét. Các đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản nên không xét. Ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả trông tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà L chung sống trên cơ sở tự nguyện vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn.

Xét thấy: Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định. Việc kết hôn không đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý. Bà L và ông V sống chung với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn, đã vi phạm việc đăng ký kết hôn tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình nên bà L và ông V không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 53, Điều 14 Luật HNGĐ, chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Không công nhận ông V và bà L là vợ chồng.

[2] Về con chung: Có 02 con tên B – sinh ngày 28/6/1992, Y – sinh ngày 28/10/1994, các đương sự không yêu cầu gì nên không xét.

[3] Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu không công nhận vợ chồng: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 26, 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận ông V và bà L là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu không công nhận vợ chồng: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng.* Số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ *(Một triệu ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà ông V đã nộp tại phiếu thu số 0013935 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, ông V đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND, T.H.A DS huyện Đông Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Lê Thanh Huệ